

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/5/2024

V/v “Ly hôn giữa bà G với ông T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Hồng G, sinh năm: 1988

Địa chỉ: I, A, Mỹ Thạnh A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà G có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 23/5/2024, nguyên đơn bà Cao Thị Hồng G trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/11/2012 do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có ý kiến chung, cãi vã thường xuyên dẫn đến không còn tình cảm. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung tên Cao Minh Đ sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Thanh L sinh ngày 15/10/2018. Con chung hiện đang sống

chung với bà. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Nguyễn Thanh T tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Thanh T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà G được ly hôn với ông T

- Về con chung: bà G được trực tiếp nuôi con chung tên Cao Minh Đ sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Thanh L sinh ngày 15/10/2018.

Về cấp dưỡng: chấp nhận yêu cầu của bà G về việc buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 02 con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị Hồng G khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thanh T; quan hệ tranh chấp giữa bà Cao Thị Hồng G và ông Nguyễn Thanh T là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông T đang cư trú tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Cao Thị Hồng G có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Cao Thị Hồng G và bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà G và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2012 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà G, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có ý kiến chung, cãi vã thường xuyên dẫn đến không còn tình cảm. Bà và ông T đã ly thân từ tháng năm 2021 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà G và ông T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà G. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

[2.2] Về con chung: bà G và ông T có 02 con chung tên Cao Minh Đ sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Thanh L sinh ngày 15/10/2018. Bà G có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu Đ và cháu L hiện đang sống với bà G, có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Tại Biên bản hỏi ý kiến con ngày 16/4/2024, cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Đ và cháu L cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng. Căn cứ theo Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014 ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung chưa thành niên là cháu Đ và cháu L. Về mức cấp dưỡng: theo bà G, mức cấp dưỡng bà yêu cầu căn cứ theo số tiền hàng tháng ông T gởi về phụ bà nuôi con là từ 3.000.000đồng đến 4.000.000đồng/tháng. Lời trình bày của bà G phù hợp với bảng Sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B ngày 26/3/2024. Như vậy, có cơ sở xác định mức cấp dưỡng bà G yêu cầu phù hợp với thu nhập thực tế của ông T. Căn cứ theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G về việc yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu L theo mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đồng/đồng/cháu cho đến khi 02 tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà G phải chịu Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng
- Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 112, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Cao Thị Hồng G và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: giao con chung tên Cao Minh Đ sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Thanh L sinh ngày 15/10/2018 cho bà Cao Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng .

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000983 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương